ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ MINH THÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1426/QĐ-UBND	*Minh Thái, ngày 03 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt dự án: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông đoạn phía Nam sông Múc 2 từ cầu Múc đến giáp xã Hải Anh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ MINH THÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công số ngày 29/11/2024 được sửa đổi, bổ sung ngày 25/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 10/12/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18/10/2025; số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17/6/2025 của Quốc hội;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 34/2026/TT-BXD ngày 25/6/2026 quy định về cấp công trình xây dựng phục vụ quản lý hoạt động xây dựng; số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 về việc hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 37/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 về việc hướng dẫn phương pháp xác định định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật; số 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 về việc ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 757/QĐ-UBND ngày 02/7/2026 của UBND xã Minh Thái về việc giao nhiệm vụ quản lý, điều hành các dự án đầu tư xây dựng do UBND xã làm chủ đầu tư trên địa bàn xã Minh Thái;

Căn cứ Thông báo số 58/TB-UBND ngày 30/7/2026 của UBND xã Minh Thái về việc lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông đoạn phía Nam sông Múc 2 từ cầu Múc đến giáp xã Hải Anh;

Căn cứ Quyết định số 1217/QĐ-UBND ngày 19/9/2026 của UBND xã Minh Thái về việc phê duyệt Chủ trương đầu tư dự án: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông đoạn phía Nam sông Múc 2 từ cầu Múc đến giáp xã Hải Anh;

Căn cứ Báo cáo số 107/BC-PKT ngày 02/11/2026 của Phòng Kinh tế xã Minh Thái về việc Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông đoạn phía Nam sông Múc 2 từ cầu Múc đến giáp xã Hải Anh;

Xét đề nghị của Đơn vị tư vấn QLDA tại Tờ trình số 451/TTr-ĐN ngày 29/10/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Cải tạo, nâng cấp đường giao thông đoạn phía Nam sông Múc 2 từ cầu Múc đến giáp xã Hải Anh với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông đoạn phía Nam sông Múc 2 từ cầu Múc đến giáp xã Hải Anh.

2. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính của dự án:

- Nhóm dự án: Nhóm C.

- Loại công trình: Công trình giao thông.

- Cấp công trình: IV.

3. Địa điểm xây dựng dự án: Xã Minh Thái, tỉnh Ninh Bình.

4. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND xã Minh Thái.

5. Chủ đầu tư: UBND xã Minh Thái.

6. Nhà thầu tư vấn khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Công ty TNHH tư vấn xây dựng và đầu tư phát triển Đại Phát; Mã số doanh nghiệp: 0601322354.

7. Mục tiêu đầu tư

Việc đầu tư Cải tạo, nâng cấp đường giao thông đoạn phía Nam sông Múc 2 từ cầu Múc đến giáp xã Hải Anh nhằm:

- Kết nối với các tuyến đường lớn, tăng cường năng lực lưu thông trong khu vực, tạo đà phát triển kinh tế, xã hội, từng bước hoàn thiện quy hoạch phát triển giao thông của xã;

- Xây dựng tuyến đường giúp cho các phương tiện tham gia giao thông trên tuyến được an toàn, thuận lợi và rút ngắn được thời gian di chuyển;

- Góp phần hoàn thiện hệ thống hạ tầng, nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng Nông thôn mới.

8. Quy mô đầu tư xây dựng

- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường với tổng chiều dài L = 1.027m;

- Thiết kế nút giao, đường giao phù hợp với quy mô tiêu chuẩn cấp đường và điều kiện địa hình phạm vi nút giao, đường giao hiện trạng;

- Thiết kế đồng bộ các công trình trên tuyến, hệ thống an toàn giao thông,… được thiết kế hoàn chỉnh theo quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

8.1. Hướng tuyến và bình đồ tuyến:

- Tim tuyến và bình đồ tuyến thiết kế cơ bản bám theo tuyến đường cũ có kết hợp cải nắn cục bộ để phù hợp với cấp kỹ thuật tương ứng, trừ các trường hợp tuyến đi qua vùng có điều kiện địa hình khó khăn.

- Tim tuyến đi đảm bảo tận dụng nền mặt đường, các công trình hiện có trên tuyến và hạn chế tối đa giải phóng mặt bằng.

8.2. Thiết kế trắc dọc.

- Cao độ thiết kế: Cao độ mặt đường thiết kế từ + (1,75 -:- 3,11)m.

8.3. Thiết kế trắc ngang:

- Thiết kế theo quy mô đường cấp V đồng bằng:
- Bề rộng nền đường: Bnền = (6,5 -:- 7,5)m
- Bề rộng mặt đường: Bmặt = 5,0m
- Bề rộng lề đường: B lề = 1,0m
- Độ dốc ngang mặt đường: I mặt = 2%
- Độ dốc ngang lề đường: I lề = 4%

8.4. Thiết kế nền, mái taluy:

- Trước khi thi công phải làm sạch cỏ, rác trên nền và lề đường;

- Lề đường đắp đất, hệ số mái taluy 1/1,5;

- Nền đường đắp đất đầm chặt K = 0,95;

- Tại các vị trí đắp lề đường lấn xuống kênh, mương cần đào bùn dày trung bình 50cm, xuống nền ruộng vét hữu cơ dày 20cm, đào bỏ đất cỏ, đất không thích hợp dày 10cm.

8.5. Thiết kế mặt đường:

- Kết cấu mặt đường làm mới:

+ Xoa phẳng mặt đường bằng máy;

+ Mặt đường BTXM đổ tại chỗ đá 2x4 M250, dày 20cm;

+ Lớp ni lông chống mất nước khi đổ bê tông;

+ Móng đá thải đầm chặt, dày 30cm;

+ Đầm chặt nền đường K95 chiều sâu tác động 30cm;

+ Khoảng cách 5m bố trí 1 khe ngang.

- Kết cấu mặt đường cải tạo:
+ Xoa phẳng mặt đường bằng máy;
+ Mặt đường BTXM đổ tại chỗ đá 2x4 M250, dày 20cm;
+ Lớp ni lông chống mất nước khi đổ bê tông;
+ Bù vênh mặt đường cũ bằng đá thải đầm chặt;
+ Khoảng cách 5m bố trí 1 khe ngang.
- Đắp lề:
+ Lề đường đắp đất đầm chặt K90.

8.6. Thiết kế cống tròn tải trọng HL-93:

- Kết cấu cống tròn D1000:
+ Móng tường đầu đá hộc xây VXM M100;
+ Tường cánh cống BTXM M250;
+ Các ống cống tròn BTCT mua sẵn miệng âm dương;
+ Đế cống BTCT đúc sẵn M200;
+ Đá dăm đệm móng cống, đầm chặt, dày 10cm;
+ Cọc tre gia cố móng cống D > 60, L = 2,0m/cọc, mật độ 20cọc/m2.
- Kết cấu ga thu nước KT(100x100)cm (vị trí, số lượng theo bản vẽ chi tiết):
+ Tấm đan ga BTCT đúc sẵn M250, dày 12cm;
+ BTCT đệm đầu tường ga M200, dày 10cm;
+ Tường ga xây gạch BT đặc KT(220x105x60) M75, vữa XM M75;
+ Trát mặt trong ga vữa XM M75, dày 1,5cm;
+ Đáy ga BT đổ tại chỗ M150, dày 10cm;
+ Lớp đá dăm đệm đầm chặt, dày 10cm;
+ Cọc tre gia cố móng D > 60, L = 2,0m/cọc, mật độ 20 cọc/m2.

8.7. Thiết kế cống tại lý trình Km1+27.00

- Kết cấu cống:
+ Gia cố móng mố bằng cọc tre D>=6cm, L=3,0m/cọc, mật độ 25 cọc/m2;
+ Móng, thân mố BTCT M300, đặt trên lớp bê tông lót M100 dày 10cm;
+ Bản mặt cầu, mũ mố BTCT M300;
+ Lan can cầu thép mạ kẽm, gờ lan can BTCT M250;
+ Kết cấu giàn van BTCT M250, cánh van thép sơn chống rỉ;
+ Kết cấu tường cánh cống BTXM M250;
+ Kết cấu mái kè đá xây VXM M100.

8.8. Thiết kế an toàn giao thông

- Thiết kế vạch sơn kẻ đường, biển báo hiệu đường bộ áp dụng theo QCVN 41:2024/BGTVT.

9. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

- Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 9398:2012 Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung;
- Tiêu chuẩn khảo sát Đường ô tô TCCS 31:2020/TCĐBVN;
- Tiêu chuẩn TCVN 4054:2005 Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế;
- Tiêu chuẩn TCVN 10380:2014 Đường giao thông nông thôn - Yêu cầu thiết kế;
- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 41:2024/BGTVT Về báo hiệu đường bộ;
- Tiêu chuẩn đường bộ Việt Nam TCCS 39:2022/TCĐBVN Thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nối trong xây dựng công trình giao thông;
- Tiêu chuẩn đường bộ Việt Nam TCCS 40:2022/TCĐBVN Thi công và nghiệm thu mặt đường bê tông xi măng trong xây dựng công trình giao thông;
- TCCS 34:2020/TCĐBVN Tiêu chuẩn cơ sở về Yêu cầu thiết kế cho gờ giảm tốc và gồ giảm tốc trên đường bộ;
- Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 9116:2012 Cống hộp bê tông cốt thép;
- Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 5574:2018 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế;
- Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 4085:2025 Thi công kết cấu khối xây - Yêu cầu kỹ thuật;
- Quy chuẩn QCVN 07-7:2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật – Công trình chiếu sáng;
- Tiêu chuẩn TCVN 13580:2022 Chiếu sáng đường giao thông công cộng – Yêu cầu thiết kế;
- Các tiêu chuẩn hiện hành khác.

10. Tổng mức đầu tư xây dựng: 6.900.000.000 đồng

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	6.048.306.000	đồng
- Chi phí Quản lý dự án:	162.694.000	đồng
- Chi phí tư vấn xây dựng:	465.905.000	đồng
- Chi phí khác:	96.852.000	đồng
- Chi phí dự phòng:	126.243.000	đồng

11. Thời gian thực hiện: Năm 2026 - 2029.

12. Nguồn vốn đầu tư: Vốn chương trình mục tiêu Quốc gia XD NTM, vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác.

13. Hình thức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư tổ chức quản lý dự án thông qua thuê tư vấn quản lý dự án theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 và Điều 46 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.

14. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên; phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Không.

15. Các nội dung khác: Không.

Điều 2. Giao Phòng Kinh tế, đơn vị Tư vấn Quản lý dự án tổ chức thực hiện các trình tự thủ tục công việc đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Luật Đầu tư công và các quy định hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND - UBND xã; Trưởng phòng Kinh tế và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Lãnh đạo UBND xã;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, PKT.

CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ MINH THÁI T.NINH BÌNH

Phạm Quang Minh